

Số: 771 /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 12 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc
thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Thực hiện Quyết định số 2638/QĐ-BVHTTDL ngày 21/9/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình (*phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Bãi bỏ 12 thủ tục hành chính tại Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 và Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 18/08/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình (*phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Du lịch, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ban*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính Phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm tin học – Công báo;
- VNPT Ninh Bình;
- Lưu: VT, VP5, VP11.

MT03/DL/VP11/QĐKSTTHC/2020

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình
Email: ubndninhbinh@ninhbinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Ninh Bình
Thời gian ký: 12/10/2020 08:39:17

Tổng Quang Thìn

DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ DU LỊCH TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
I. Lĩnh vực lữ hành							
1	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa 2.001628.000.00.00.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)		1.500.000 đồng/ giấy phép	x	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
2	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa 2.001616.000.00.00.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC		750.000 đồng/ giấy phép	x	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
3	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa 2.001622.000.00.00.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC		1.000.000 đồng/ giấy phép	x	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
4	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế. 1.004628.000.00.00.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC		325.000 đồng/thẻ	x	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
5	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa. 1.004623.000.00.00.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC		325.000 đồng/thẻ	x	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
6	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm. 1.001440.000.00.00.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC		100.000 đồng/thẻ	x	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
7	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch. 1.004614.000.00.00.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC		- 325.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa; - 100.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	x	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
8	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa. 1.001432.000.00.00.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC		325.000 đồng/thẻ	x	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
II. Dịch vụ du lịch khác							
1	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch 1.004551.000.00.00.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC		1.000.000 đồng/hồ sơ	x	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch 1.004503.000.00.00.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC		1.000.000 đồng/hồ sơ	x	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
3	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch 1.001455.000.00.00.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC		1.000.000 đồng/hồ sơ	x	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
4	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch 1.004572.000.00.00.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC		1.000.000 đồng/hồ sơ	x	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ DU LỊCH TỈNH NINH BÌNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
I. Lĩnh vực lữ hành				
1	2.001628.000.00.00.H42	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình
2	2.001616.000.00.00.H42	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	

3	2.001622.000.00.00.H42	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
4	1.004628.000.00.00.H42	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.	Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình
5	1.004623.000.00.00.H42	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.	Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
6	1.001440.000.00.00.H42	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.	Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
7	1.004614.000.00.00.H42	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch.	Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
8	1.001432.000.00.00.H42	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.	Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	

II. Dịch vụ du lịch khác				
1	1.004551.000.00.00.H42	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình
2	1.004503.000.00.00.H42	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
3	1.001455.000.00.00.H42	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
4	1.004572.000.00.00.H42	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	